

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HSST

Ngày 26/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng.

Ông Bùi Đăng Thành.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

- **Bùi Văn K** - Sinh năm 1970. Trú tại: Thôn M, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 3/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Á N và bà Lê Thị N; Vợ: Hà Thị T; Con: Có 03 đã trưởng thành trên 18 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- **Trần Văn D** - Sinh năm 1973. Trú tại: Làng B, xã PT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Sỹ N và bà Đỗ Thị H; Vợ: Lê Thị V; Con: Có 02 đã trưởng thành trên 18 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 02/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị tạm giữ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo (Có mặt).

- **Bùi Văn T** - Sinh năm 1984. Trú tại: Thôn M, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn D và bà Hà Thị D; Vợ: Lương Thị L; Con: Có 02 con lớn 06 tuổi, nhỏ 03 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- **Phạm Thanh H** - Sinh năm 1976. Trú tại: Thôn M, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn L và bà Bùi L; Vợ: Bùi Thị D; Con: Có 02 con đã trưởng thành trên 18 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo (Có mặt).

- **Bùi Văn L** - Sinh năm 1986. Trú tại: Thôn M, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Châu T và bà Bùi Thị H; Vợ: Lê Thị M; Con: Có 01 con 03 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

- **Bùi Văn L** - Sinh năm 1978. Trú tại: Thôn NT, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn N và bà Lương Thị A; Vợ: Bùi Thị T; Con: Có 03 con lớn 21 tuổi nhỏ 16 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo (Có mặt).

- **Bùi Văn H** - Sinh năm 1963. Trú tại: Thôn M, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 02/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn T và bà Lê Thị L; Vợ: Lê Thị L; Con: Có 02 con đã trưởng thành trên 18 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

- **Bùi Văn Đ** - Sinh năm 1987. Trú tại: Thôn NT, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn T và bà Lê Thị T; Vợ: Quách Thị H; Con: Có 01 con 05 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

Người làm chứng:

- Bà Bùi Thị T - Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn NT, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, (Vắng mặt).

- Chị Cao Thị H - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn M, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, (Có mặt).

- Anh Lê Văn M - Sinh năm 1963.

Địa chỉ: Làng R, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 04/7/2019, Bùi Văn K; Phạm Thanh H; Bùi Văn T, và Bùi Văn H đều ở thôn M, xã NA, huyện NL đến quán nhà chị Cao Thị H, thôn NT, xã NA, huyện NL để ăn liên hoan mừng khai trương quán. Sau khi ăn liên hoan xong, khoảng 22 giờ cùng ngày, Bùi Văn K rủ Phạm Thanh H, Bùi Văn T và Bùi Văn H đến nhà anh Bùi Văn D, sinh năm 1981 ở thôn NT, xã NA, huyện NL để đánh bạc. Đây là ngôi nhà của anh Bùi Văn D đang xây dựng dở dang, chưa lắp đặt hệ thống cửa, không có người trông giữ. Bùi Văn K lấy bộ bài tú lơ khơ cũ có sẵn để trên cửa sổ nhà anh D để đánh bạc. Cùng lúc đó Trần Văn D ở làng B, xã PT, huyện NL cũng đến để tham gia đánh bạc. Các bị cáo thống nhất với nhau sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 cây để đánh bạc, bằng hình thức đánh liêng, các bị cáo chia đều cho mỗi người chơi 03 quân bài để so điểm với nhau; cách thức so sánh điểm cao thấp được quy định 9 điểm (*nước*) của 03 quân bài cộng lại là cao nhất được ăn tiền của những người có điểm thấp hơn, 03 quân bài kế tiếp nhau gọi là (*Liêng*) ăn được bài 9 nước; 03 quân bài cùng nhau khác chất gọi là (*Sáp*) ăn được liêng. Ngoài ra còn quy định khác như 03 quân bài đều có hình thì gọi là (*Đĩ*); hai người bằng điểm nhau thì gọi là Chèo. Trước khi được chia 03 quân bài thì mỗi người chơi phải đặt cửa số tiền 10.000 đồng, sau khi xét bài, thì những người chơi được Tổ nhưng tối đa không quá 300.000 đồng.

Khi vừa chia xong ván bài đầu thì Bùi Văn L, Bùi Văn L và Bùi Văn Đều ở thôn NT, xã NA đến, L và L xin tham gia đánh bạc, nên các bị can đã hủy ván bài để cho Bùi Văn L, Bùi Văn L cùng vào tham gia đánh bạc. Đ không có tiền nên ngồi ngoài xem. Trong quá trình đánh bạc Bùi Văn K bị thua hết tiền nên phải ra ngoài ngồi xem sau đó nằm ngủ cạnh chiếu bạc. Bùi Văn Đ vay được Bùi Văn L số tiền 400.000 đồng vào tham gia đánh bạc thay chân của Bùi Văn K. Trong lúc các đối tượng đang đánh bạc thì bà Bùi Thị T là mẹ vợ anh D nhà ở gần đó thức dậy đi vệ sinh nhìn thấy nhà con rể Bùi Văn D sáng điện nên qua xem có việc gì thì thấy các bị cáo đang đánh bạc, bà có đứng xem và khuyên các bị cáo dừng đánh bạc nữa. Đến 02 giờ 00 ngày 05/7/2019 tổ công tác Công an huyện Ngọc Lặc phát hiện bắt quả tang các đối tượng đánh bạc; thu giữ tại chiếu bạc: 9.000.000 VNĐ; 52 quân bài tú lơ khơ.

Đối với gia đình anh Bùi Văn D là chủ nhà nơi các bị cáo đánh bạc, nhưng gia đình anh D đã đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, không biết việc các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, nên không có căn cứ để xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc và số tiền 9.000.000 đồng đã chuyển đến tài khoản tạm gửi Kho bạc của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số 24 ngày 04/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, đã truy tố Bùi Văn K cùng các đồng phạm về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo và áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D, T, H,

L, H. Đối với các bị cáo K, Trịnh, H, L, L, H và Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dũng và áp dụng Điều 65 Bộ Luật Hình sự đối với các bị cáo K, T, H, L, L, H và Đ. Xử phạt Trần Văn D từ 07 đến 09 tháng tù, xử phạt Bùi Văn K từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng và xử phạt các bị cáo: T, H, L, L và H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 06 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng. Áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo D, T, H, L và H từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Kỷ, Luận và Đạt. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.000.000đ, tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 cây. Các bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, nhất trí với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa người làm chứng khai phù hợp với lời khai của các bị cáo và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và ban hành các văn bản, quyết định đúng quy định của pháp luật, không có trường hợp nào bị khiếu nại, tố cáo phải giải quyết.

[2]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với các bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung bản cáo trạng đã nêu đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 04/7/2019 đến 02 giờ ngày 05/7/2019 tại nhà anh Bùi Văn D, các bị cáo Bùi Văn K, Trần Văn D, Bùi Văn T, Phạm Thanh H, Bùi Văn L, Bùi Văn L, Bùi Văn H và Bùi Văn Đ đã sử dụng bộ bài Tú lơ khơ 52 cây để đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc". Số tiền đánh bạc là 9.000.000đ. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất đồng phạm và mức độ phạm tội của bị cáo: Các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, nên trường hợp phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên cũng cần phải đánh giá vai

trò, mức độ tham gia và nhân thân của từng bị cáo, để áp dụng mức hình phạt tương xứng, thể hiện tính nghiêm minh và khoan hồng của pháp luật. Bị cáo K là người khởi xướng và chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ, nên Bùi Văn K có vai trò thứ nhất, các bị cáo D, T, L, L, H và H cùng tham gia từ đầu đến khi bị bắt có vai trò thứ hai, bị cáo Đ thời gian tham gia ít hơn các bị cáo khác, nên có vai trò thứ ba, do đó mức án áp dụng đối với các bị cáo sẽ căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và vai trò của bị cáo trong vụ án theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì và đấu tranh loại trừ các tệ nạn xã hội, phải lên cho các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, nên tất cả các bị cáo được bị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo K, T, H, L, L, H và Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D phạm tội đánh bạc, ngày 02/4/2018 chấp hành xong thời gian thử thách của án treo, tính từ ngày đương nhiên xóa án tích đến ngày phạm tội mới chưa quá 06 tháng, nên áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Các bị cáo K, T, H, L, L, H và Đ có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo D, T, H, L và H, Bị cáo K, L và Đ thuộc hộ cận nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[5]. Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền đánh bạc 9.000.000đ và tịch thu tiêu hủy bộ bài Tú lơ khơ 52 cây.

6]. Về án phí: Các bị cáo D, T, H, L, H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo K, L và Đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn K, Trần Văn D, Bùi Văn T, Phạm Thanh H, Bùi Văn L, Bùi Văn L, Bùi Văn H và Bùi Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Trần Văn D.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ đi 03 (Ba) ngày bị tạm giữ, kể từ ngày 05/7/2019 đến ngày 08/7/2019.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo: Bùi Văn K, Bùi Văn T, Phạm Thanh H, Bùi Văn L, Bùi Văn L, Bùi Văn H và Bùi Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn K 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Thanh H, Bùi Văn L, Bùi Văn L và Bùi Văn H mỗi bị cáo 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn T, Phạm Thanh H, Bùi Văn L, Bùi Văn L, Bùi Văn H và Bùi Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn D, Bùi Văn T, Phạm Thanh H, Bùi Văn L và Bùi Văn H.

Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền mỗi bị cáo là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng), theo phiếu ủy nhiệm chi chuyển khoản của Công an huyện NL ngày 04/9/2019 chuyển đến tài khoản 3949.0.1055159 tại Kho bạc nhà nước huyện NL của Chi cục thi hành án dân sự huyện NL.

Tịch thu tiêu hủy bộ bài Tú lơ khơ 52 cây, theo phiếu nhập kho số: 19 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn D, Bùi Văn T, Phạm Thanh H, Bùi Văn L và Bùi Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn L và Bùi Văn Đ.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/9/2019.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NL;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Công an huyện Ngọc NL
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

